

5.3. Tài chính - thuế

Kháng chiến toàn quốc bùng nổ đặt ra cho nền tài chính Việt Nam những vấn đề mới vô cùng khó khăn phức tạp đòi hỏi phải được giải quyết. Các nguồn thu tài chính của ta rất nhỏ bé, chi luôn vượt quá thu. Nhu cầu chi tiêu ngày càng lớn và cấp bách về lương thực, quân trang, quân dụng, vũ khí, thuốc men cho lực lượng vũ trang và các chiến dịch được mở ra ngày càng nhiều hơn và lớn hơn. Để đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, ngày 11-4-1948, Chính phủ ban hành Sắc lệnh số 166/SL cho phép phát hành *Công phiếu kháng chiến* nhằm hai mục đích:

+ Một là huy động số tiền nhàn rỗi trong nhân dân để phục vụ sản xuất và chiến đấu;

+ Hai là dùng Công phiếu kháng chiến như là một thứ tiền dự trữ trong trường hợp địa phương đứt liên lạc với Trung ương thì Ủy ban kháng chiến hành chính địa phương có thể ra lệnh cưỡng bách lưu hành Công phiếu kháng chiến như giấy bạc theo giá trị ghi trên phiếu. Tổng số Công phiếu kháng chiến phát hành là 500 triệu đồng, lãi đồng niên 3%, thời hạn trả lãi 5 năm¹.

Do không xác định rõ mục đích, yêu cầu của Công phiếu kháng chiến, nên nhiều địa phương còn nặng về tính chất dự trữ tiền khi chưa gặp khó khăn về tài chính thì chưa phát hành Công phiếu kháng chiến. Đến cuối năm 1948, khi có chủ trương bán mạnh Công phiếu kháng chiến để giảm bớt sức ép của lạm phát thì việc tuyên truyền giải thích rất kém, tổ chức phát hành rời rạc, lẻ tẻ, kéo dài suốt cả năm 1949 trong thời điểm tiền Việt Nam đang sụt giá mạnh, kết quả phát hành Công phiếu kháng chiến không đạt yêu cầu, chỉ bán được hơn 200 triệu đồng trong tổng số 500 triệu đồng, đạt 40% số phiếu phát hành. Bên cạnh đó, Chính phủ đã thay thế hình thức tự nguyện đóng góp bằng việc đóng góp theo chế độ quy định của Nhà nước, đó là *Quỹ tham gia kháng chiến* thành lập theo

1. *Việt Nam Dân quốc Công báo*, số 12, năm 1948, tr. 3.

Sắc lệnh số 36/SL ngày 8-5-1949, quy định: “Tất cả công dân từ 18 đến 55 tuổi, trừ những người được miễn, đều phải đóng góp”. Trong năm 1949, các tỉnh từ Liên khu IV trở ra đã góp được 174 triệu đồng vào Quỹ tham gia kháng chiến.

Do tình hình giá cả tăng cao vào cuối năm 1949 và nhất là đầu năm 1950, nên *Quỹ công lương* đã được đặt ra để thay Quỹ tham gia kháng chiến theo Sắc lệnh số 3 ngày 15-1-1950. Quỹ công lương thu bằng hiện vật, mỗi công dân đóng góp 10kg thóc mỗi năm. Năm 1950, các tỉnh từ Liên khu IV trở ra đã góp được 123 triệu đồng cho Quỹ công lương.

Quyết định chuyển hướng từ thu các thứ thuế chính bằng tiền sang thu bằng hiện vật, chủ yếu là thóc, có ý nghĩa quan trọng nhằm tránh ảnh hưởng lạm phát và bảo đảm lương thực cho bộ đội và công nhân viên chức.

Tính đến 31-12-1949, ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ bán được 96.254.800 đồng; ở Nam Trung Bộ bán được 102.737.000 đồng; ở Nam Bộ bán được 5.000.000 đồng¹. Năm 1950, cả nước cũng chỉ bán được 203 triệu đồng Công phiếu kháng chiến². Mặt khác, nhân dân chưa quen dùng công trái, coi công trái là hình thức ủng hộ không hoàn lại nên chỉ tham gia lấy lệ.

Năm 1950, Chính phủ cho phát hành *Công trái quốc gia* ghi bằng thóc để đảm bảo giá trị số tiền cho vay. Tổng số phát hành là 100.000 tấn thóc, lãi suất 3%/năm, thời hạn hoàn vốn là 5 năm. Nhờ kế hoạch phát hành chu đáo hơn, tuyên truyền sâu rộng hơn, nên Công trái quốc gia bán nhanh hơn, nhưng cũng chỉ đạt 30% kế hoạch. Nguyên nhân là do tình hình kinh tế - xã hội còn khó khăn,

1. *Báo cáo hoạt động của Bộ Tài chính năm 1949...* Tài liệu đã dẫn.

2. Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị, *Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp - thắng lợi và bài học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 458.

hiếu biết về tài chính, tiền tệ của cán bộ và nhân dân còn thấp. Hình thức công trái còn xa lạ với số đông lúc đó chỉ quen nộp thuế hoặc ủng hộ.

Để chấn chỉnh tình hình ngân sách, từ năm 1948, một hệ thống ngân sách thời chiến được thành lập chỉ đơn giản gồm hai cấp là ngân sách nhà nước và ngân sách xã. Ngân sách Nhà nước gồm phần thu do các nguồn thu thường xuyên đảm bảo là thuế, công trái, các quỹ và phần chi tiêu quốc phòng phần lớn dựa vào phát hành tiền. Ngân sách xã đảm bảo chi tiêu của xã, thăng bằng do những nguồn thu riêng của xã và nếu thiếu thì quỹ hỗ trợ xã, hoặc ngân sách nhà nước trợ cấp.

Bảng 18: Tỷ lệ thu qua đóng góp của nhân dân và phát hành tiền trong những năm từ năm 1946-1950¹

Đơn vị: tỷ lệ phần trăm

Năm	Đóng góp của nhân dân	Phát hành tiền
1946	28	72
1947	27	73
1948	20	80
1949	18	82
1950	23	77

Trong phần thu chi thường xuyên của ngân sách nhà nước có ba loại chi quan trọng nhất là: Chi hành chính (nội chính, ngoại giao, tư pháp, Quốc hội, bộ máy chính quyền các cấp...), chi kinh tế (canh nông, giao thông, thủy lợi...), chi văn hóa - xã hội (giáo dục, y tế, thương binh, cứu tế...).

1. Viện Kinh tế học, *Kinh tế Việt Nam từ Cách mạng Tháng Tám đến...*, Sách đã dẫn, tr. 326.

Bảng 19: So sánh thu - chi năm 1948 và năm 1949¹

Đơn vị: đồng

Thu

Năm	Dự thu năm 1949	Thực thu (đến 30-9-1949)	Kém số dự thu
1948	737.280.000	346.009.747,20	391.270.252,80
1949	955.000.000 (cả năm)	421.397.987	533.602.013

Chi

Năm	Dự chi năm 1949	Thực chi (đến 30-9-1949)	Trội hơn số dự chi
1948	737.280.000	1.056.901.153,77	391.621.153,77
1949	955.000.000 (cả năm)	428.470.170	526.539.830

Những số liệu thống kê về tình hình thu chi trên cho thấy, số thực thu luôn thấp hơn số thực chi. Do đó, trước những bất cập của tình hình thu chi, Đảng đã đề ra phương hướng là phải động viên cao nhất khả năng đóng góp của nhân dân để tăng thêm nguồn thu trong đó quan trọng nhất là thuế đến lúc này đã được quan tâm chú ý.

Về thuế gián thu chỉ còn lại là thuế thuốc lá, thuốc lào, thuế muối, thuế diêm, thuế rượu. Thuế thuốc lá, thuốc lào khá cao và thu theo lối tòng giá để sát giá thị trường. Thuế muối không thu theo

1. Báo cáo hoạt động của Bộ Tài chính năm 1949. Tài liệu đã dẫn... Hồ sơ số 2064.

chế độ thống nhất trong cả nước mà thu theo chế độ riêng từng vùng sản xuất chính: theo đồng mẫu ô phoi, theo sản lượng, theo sự chênh lệch giữa giá mua và giá bán.

Về thuế trực thu: Năm 1949, thuế điền thổ áp dụng theo thuế biểu năm 1948. Tổng số thuế điền thổ thu năm 1948 từ Liên khu IV trở ra là 174.797.071 đồng, năm 1949 được 403.000.000 đồng. Từ năm 1950, thuế điền thổ thu theo chế độ thuế mới ban hành, tức là căn cứ vào số thu hoạch ước lượng của từng thửa ruộng ấn định qua kiến điền. Biểu thuế lũy tiến từng phần từ 5 đến 22%¹.

Thuế môn bài: Năm 1948 thu được 9.298.370 đồng, năm 1949 thu được 27.392.030 đồng.

Thuế đặc biệt sát sinh: Năm 1948 thu được 11.988.751 đồng, năm 1949 thu được 25.881.998 đồng. Việc thu thuế đặc biệt sát sinh rất khó khăn, nhất là ở nông thôn.

Quỹ tham gia kháng chiến: Năm 1949 thu được 156.776.440 đồng, chưa kể 6.186.249 đồng do nhân dân trong vùng Pháp chiếm đóng đóng góp.

Như vậy, tổng số thuế trực thu năm 1949 là 331.658.536 đồng (không kể số phụ thu kháng chiến ở miền Nam Trung Bộ thu được 6.732.065kg thóc chưa quy ra tiền và số thuế thu trong vùng Pháp chiếm đóng là 16.793.406 đồng) so với tổng số thuế trực thu năm 1948 là 196.084.193 đồng (gồm có cả 6.182.313kg thóc phụ thu kháng chiến ở miền Nam Trung Bộ quy ra tiền là 52.229.468 đồng)².

Về thuế quan, tuy không lớn, nhưng có tác dụng quan trọng trong đấu tranh kinh tế với địch, bảo vệ kinh tế của ta ở khu vực bờ biển, biên giới, cũng như bên trong nội địa, giữa vùng tự do của ta

-
1. Viện Khoa học tài chính, *Lịch sử tài chính Việt Nam*, tập I. Thông tin chuyên đề, Hà Nội, 1995, tr. 102.
 2. *Báo cáo hoạt động của Bộ Tài chính năm 1949*. Tài liệu đã dẫn... Hồ sơ số 2064.

và vùng do Pháp chiếm đóng. Tổng số thu thuế xuất khẩu năm 1949 là 2.046.045 đồng (trong đó Khu I là 69.150 đồng, Khu III là 133.302 đồng, Khu IV là 700 đồng, Khu V là 1.842.893 đồng). Các sản phẩm hàng hóa bán ra là vẩy, bóng cá, thuốc lá, cà phê, cau khô, chè, hạt sen, chiếu cói. Tổng số thu thuế nhập khẩu là 28.439.745 đồng (trong đó Khu I là 7.987.529 đồng, Khu III là 10.807.545 đồng, Khu IV là 1.527.135 đồng, Khu V là 7.732.398 đồng, Khu X là 385.138 đồng). Việc thu thuế hoạt động mạnh ở các Ty thuộc Bắc Ninh, Lạng Sơn, Quảng Yên (Liên khu I), Hưng Yên, Hà Đông, Hà Nam (Liên khu III), Quảng Nam (Liên khu V). Hàng nhập nội thông qua hệ thống các Phòng Tiếp liệu là chính, qua các cửa biển rất ít hoặc có nơi ngừng hẳn.

Ngoài ra, ở miền Nam Trung Bộ còn đặt ra thuế lợi tức đánh vào hàng xuất nhập cảng từ 1 đến 300% tùy theo từng loại hàng. Thuế lợi tức thu được ở miền Nam Trung Bộ năm 1948 là 4.959.873 đồng, năm 1949 là 8.424.884 đồng.

Trong các loại thuế gián thu, thuế thuốc lá đứng đầu với số thu năm 1948 là 10.911.342 đồng, năm 1949 là 16.811.092 đồng, trong số đó riêng Liên khu III thu được 10.048.443 đồng. Thuốc lá được coi là xa xỉ phẩm cấm chỉ nhập nội, do đó các xưởng thuốc lá nội hóa phát triển mạnh, đáng chú ý là các xưởng ở Khu I, Khu III, Khu IV. Số thuế thuốc lá thu được trong năm 1948 là 536.543 đồng, năm 1949 tăng lên tới 5.832.596 đồng.

Thuế muối áp dụng mỗi nơi mỗi khác: Bắc Bộ, muối sản xuất hoàn toàn tự do; ở Liên khu IV quy định thu 1/3 số muối sản xuất; ở miền Nam Trung Bộ, có nơi thu 1/4, có nơi thu 2/3 số muối sản xuất. Mức sản xuất trung bình của Liên khu V là 30.000 tấn muối mỗi năm. Số thuế muối đã thu trong năm 1948 ở các Liên khu là: 29.433.939 đồng, năm 1949 là 16.521.880 đồng.

Thuế diêm thu được trong năm 1949 là 475.797 đồng, trong số đó thu được nhiều nhất là ở Liên khu III. Diêm nội hóa tăng mạnh

do diêm ngoại nhập bị cấm triệt để. Thuế rượu thu không đáng kể, chỉ đạt 86.100 đồng trong năm 1949. Các loại thu thuế linh tinh khác không đáng kể, trừ số tiền phạt hàng ngoại hóa và các thứ thuế gián thu được 17.278.029 đồng.

Tính tổng số thuế thu về các loại thuế quan và thuế gián thu ở các Liên khu I, III, IV, X và miền Nam Trung Bộ là 85.860.416 đồng (1948) và 111.634.517 đồng (1949). So với dự thu năm 1949 là 100.000.000 đồng thì số thực thu đạt vượt kế hoạch hơn 11 triệu đồng¹.

Thuế trước bạ năm 1948 tăng nhiều so với năm 1949, do thuế thu được từ việc chuyển dịch bất động sản. Nhưng vẫn còn một phần lớn số thuế chưa thu được vì các Ủy ban xã còn thiếu chặt chẽ trong công tác thu thuế.

Ở Nam Bộ, chính quyền địa phương ấn định chế độ thuế theo tình hình thực tế và điều kiện đặc biệt của địa phương, không theo chế độ thuế chung áp dụng ở Bắc Bộ và Trung Bộ. Ngoài các loại thuế thông thường như: điền thổ, thổ trạch, môn bài, thuốc lá, thuốc láo, diêm, đường, muối; ở Nam Bộ còn đặt thêm thuế nhập thị đánh vào hàng hóa mang ra vào vùng địch, thuế thương mại, thuế đặc biệt lúa gạo, ủng hộ kháng chiến. Về lợi tức công sản có khoản hoa lợi quan trọng từ việc tịch thu ruộng của Pháp và Việt gian phản động. Kết quả thu thuế của Nam Bộ năm 1948 được 143.734.571 đồng (trong đó ủng hộ kháng chiến là 8.992.624 đồng, thực thu là 29.769.216 đồng, quan thuế và thuế gián thu là 54.587.629 đồng, hoa lợi quốc gia 15.672.075 đồng); năm 1949 (trong 8 tháng đầu năm) thu được 147.322.697 đồng².

Theo chế độ thuế mới ban hành đầu năm 1950, thuế điền thổ được sửa đổi lại, thu lũy tiến vào tổng số hoa lợi của chủ ruộng đất để vừa tăng thu cho ngân sách nhà nước, vừa động viên công bằng

1, 2. Báo cáo hoạt động của Bộ Tài chính năm 1949. Tài liệu đã dẫn... Hồ sơ số 2064.

hợp lý, sát với khả năng của người nộp thuế như Sắc lệnh số 96 ngày 22-2-1950 đã quy định.

Ngoài ra, cũng từ năm 1950 các thứ thuế thu bằng tiền được nâng thuế suất lên cho hợp thời giá đang tăng mạnh. Thuế môn bài chính tăng 100%, thuế tem trước bạ tăng 2 lần, thuế thuốc lá, thuốc lá tăng 4 lần. Nhờ có những đổi mới về thu thuế, nên 1950, thuế điền thổ tăng bằng 83% tổng số thu ngân sách nhà nước, trị giá số thóc thu được năm 1950 bằng 250% số thuế thu bằng tiền năm 1947¹.

Việc thu thuế bằng thóc là một chuyển hướng kịp thời, nhờ vậy ổn định được các khoản chi - thu của ngân sách trong khi giá thị trường tăng mạnh và tiền Việt Nam bị sụt giá. Thuế môn bài thu trong năm 1950 được 33 triệu đồng (chưa kể Nam Bộ) so với dự thu 10 triệu đồng tức là đã vượt trên 3 lần, nhưng do tiền sụt giá, nên thực tế chỉ bằng 1/10 của năm 1949 (nếu quy ra thóc).

Thuế gián thu tăng mạnh thuế suất và thành lập những công ty, công tư để tiến tới công quản. Việc tăng thuế suất thực hiện nấc thứ nhất tăng gấp 4 lần, nấc thứ hai quy định thuế tổng giá 15%. Hướng chấn chỉnh thuế muối là thống nhất chế độ muối và nghiên cứu chế độ công quản muối. Đối với rượu, chủ trương cấm nấu rượu ở những địa phương thiếu gạo, hạn chế và đánh thuế rượu coi là xa xỉ phẩm ở các vùng khác. Ngày 1-5-1950, Sắc lệnh cấm dùng gạo nấu rượu và tàng trữ, chuyên chở, tiêu thụ rượu nấu bằng gạo đã được ban hành.

Thuế quan năm 1950 có xem xét lại thuế biểu xuất nhập cảng, nghiên cứu để tăng thuế biểu các loại hàng hóa ra vào giữa vùng tự do và vùng Pháp chiếm đóng. Kết quả thu thuế nhập cảng 9 tháng đầu năm 1950 đạt 30.788.000 đồng, thuế xuất cảng 9 tháng đầu năm 1950 đạt 2.262.000 đồng.

1. Viện Khoa học tài chính, *Lịch sử tài chính Việt Nam*, tập I. Thông tin chuyên đề, Hà Nội, 1995, tr. 102.

Thuế trước bạ và di sản được tính thuế lũy tiến căn cứ vào giá trị các tài sản chuyển dịch. Kết quả thu được (tính từ Liên khu V trở ra) đạt 34.298.000 đồng so với năm 1947 đạt 3.800.000 đồng, năm 1948 đạt 10.600.000 đồng, năm 1949 đạt 28.834.000 đồng¹.

Thuế lợi tức công sản thực hiện theo chủ trương kê lại công sản quốc gia, kiểm điểm và theo dõi lợi tức công sản, sử dụng nguồn tài lực công sản hợp với nhiệm vụ tổng động viên và tăng cường các lợi tức đó. Ngoài ra còn có các loại thu khác bằng tiền như thuế tem, thuế hội, thuế thuyền, lệ phí địa chính, đảm phụ vận tải, nhưng số thu quá ít ỏi.

Nhìn chung, số thu của ngân sách nhà nước chỉ đảm bảo một phần nhỏ số chi, nên phương hướng phấn đấu là cân bằng thu - chi, nhưng thường thường là tranh thủ thu nhiều hơn chi để dành một phần kinh phí đảm bảo chi tiêu quốc phòng và giảm phát hành tiền.

Tóm lại, việc thi hành các biện pháp tài chính - thuế trong thời gian này đã góp phần tích cực vào việc đảm bảo nhu cầu ngày càng lớn của kháng chiến, thực hiện khẩu hiệu "*Toàn dân tham gia, toàn dân đóng góp*". Kế hoạch huy động tài lực đã chú ý nhiều đến các cuộc động viên tài lực của nhân dân ở các địa phương, chủ yếu đến việc xây dựng và kiện toàn các ngân sách và quỹ địa phương (ngân sách xã, quỹ dân quân, quỹ bộ đội địa phương, quỹ bình dân học vụ...). Tuy nhiên, việc thi hành chính sách tài chính - thuế vẫn mắc phải hạn chế là huy động bình quân, chính sách thuế còn dè dặt, thu không đủ chi, dựa nhiều vào phát hành tiền để chi tiêu cho quân sự và hành chính. Nhìn chung, tiền tệ - tín dụng và tài chính - thuế khóa trong những năm đầu kháng chiến có tiến bộ nhưng vẫn còn nhiều biến động, chưa thể ổn định ngay được.

1. *Báo cáo hoạt động của Bộ Tài chính năm 1949*. Tài liệu đã dẫn.... Hồ sơ số 2064.